

表3 平成9年度生物モニタリング結果

生物種	検体番号	水分 (%)	脂肪 (%)	調査物質 (μg/g-wet)												
				PCB	p,p'-DDT	p,p'-DDE	p,p'-DDD	t-クロルデン	c-クロルデン	t-ノナクロル	c-ノナクロル	オキシクロルデン	クロルデン類	TBT	TPT	
シロザケ (北海道釧路沖)	1	74.4	3.9	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd
	2	76.1	4.1	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd
	3	75.2	4.4	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd
	4	75.2	5.0	nd	nd	0.001	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd
	5	75.1	4.7	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd
	最高	76.1	5.0	nd	nd	0.001	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd
	最低	74.4	3.9	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd
	平均	75.2	4.4	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	中央値	75.2	4.4	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd
	検出限界 (μg/g-wet)				0.01	0.001	0.001	0.001	0.001	0.001	0.001	0.001	0.001	0.001	0.05	0.02
検出頻度				0/5	0/5	1/5	0/5	0/5	0/5	0/5	0/5	0/5	0/5	0/5	0/5	
オオサガ (北海道根室沖)	1	75.8	7.4	0.03	0.022	0.020	0.005	nd	nd	0.004	nd	nd	0.007	nd	nd	
	2	78.5	4.8	0.02	0.005	0.011	0.001	nd	nd	0.002	nd	nd	0.002	nd	nd	
	3	68.2	13.4	0.04	0.046	0.028	0.007	nd	nd	0.006	nd	nd	0.009	nd	nd	
	4	72.2	8.0	0.02	0.010	0.011	0.003	nd	nd	0.002	nd	nd	0.002	nd	nd	
	5	75.7	5.9	0.03	0.047	0.027	0.004	nd	nd	0.005	nd	nd	0.007	nd	nd	
	最高	78.7	13.4	0.04	0.047	0.028	0.007	nd	nd	0.006	nd	nd	0.009	nd	nd	
	最低	68.2	4.8	0.02	0.005	0.011	0.001	nd	nd	0.002	nd	nd	0.002	nd	nd	
	平均	74.1	7.9	0.03	0.026	0.019	0.004	-	-	0.004	-	-	0.005	-	-	
	中央値	75.7	7.4	0.03	0.022	0.020	0.004	nd	nd	0.004	nd	nd	0.007	nd	nd	
	検出限界 (μg/g-wet)				0.01	0.001	0.001	0.001	0.001	0.001	0.001	0.001	0.001	0.001	0.05	0.02
検出頻度				5/5	5/5	5/5	5/5	0/5	0/5	5/5	0/5	0/5	5/5	0/5		
アイナメ (山田湾)	1	74.7	4.3	0.01	nd	0.002	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	
	2	72.1	6.5	0.10	nd	0.005	tr	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	0.04	
	3	74.7	4.8	0.02	tr	0.004	tr	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	0.04	
	4	75.8	4.9	0.10	tr	0.005	0.001	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	0.05	
	5	74.8	4.7	0.03	nd	0.003	tr	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	0.06	
	最高	75.8	6.5	0.10	tr	0.005	0.001	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	0.06	
	最低	72.1	4.3	0.01	nd	0.002	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	
	平均	74.4	5.0	0.05	-	0.004	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	中央値	74.7	4.8	0.03	nd	0.004	tr	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	0.04	
	検出限界 (μg/g-wet)				0.01	0.001	0.001	0.001	0.001	0.001	0.001	0.001	0.001	0.001	0.05	0.02
検出頻度				5/5	0/5	5/5	1/5	0/5	0/5	0/5	0/5	0/5	0/5	0/5	4/5	

(注) ndは不検出, trは検出限界未満で検出。

表3 平成9年度生物モニタリング結果

生物種	検体番号	水分 (%)	脂肪 (%)	調査物質 (μg/g-wet)											
				PCB	p,p'-DDT	p,p'-DDE	p,p'-DDD	t-クロルデン	c-クロルデン	t-ノナクロル	c-ノナクロル	オキシクロルデン	クロルデン類	TBT	TPT
サンマ (常磐沖)	1	61.5	15.5	nd	nd	0.001	nd	nd	nd	nd	nd	nd	0.001	nd	nd
	2	61.3	17.4	nd	nd	0.001	nd	nd	nd	nd	nd	nd	0.001	nd	nd
	3	56.4	24.4	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	0.001	nd	nd
	4	63.2	15.8	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	0.001	nd	nd
	5	61.1	17.7	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	0.001	nd	nd
	最高	63.2	24.4	nd	nd	0.001	nd	nd	nd	nd	nd	nd	0.001	nd	nd
	最低	56.4	15.5	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	0.001	nd	nd
	平均	60.7	18.2	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0.001	-	-
	中央値	61.3	17.4	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	0.001	nd	nd
	検出限界 (μg/g-wet)				0.01	0.001	0.001	0.001	0.001	0.001	0.001	0.001	0.001	0.001	0.05
検出頻度				0/5	0/5	2/5	0/5	0/5	0/5	0/5	0/5	0/5	5/5	0/5	0/5
マダラ (日本海東北沖)	1	81.4	0.7	nd	nd	0.001	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	tr	tr
	2	82.7	0.8	nd	nd	0.001	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	tr	tr
	3	80.9	0.8	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	tr	tr
	4	83.0	0.9	nd	0.002	0.002	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	tr	tr
	5	81.0	0.6	nd	0.002	0.002	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	tr	tr
	最高	83.0	0.9	nd	0.002	0.002	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	tr	tr
	最低	80.9	0.6	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	tr	tr
	平均	81.8	0.8	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	中央値	81.4	0.8	nd	nd	0.001	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	tr	tr
	検出限界 (μg/g-wet)				0.01	0.001	0.001	0.001	0.001	0.001	0.001	0.001	0.001	0.001	0.05
検出頻度				0/5	2/5	4/5	0/5	0/5	0/5	0/5	0/5	0/5	0/5	0/5	0/5
スズキ (東京湾)	1	75.8	3.0	0.25	0.001	0.020	0.003	tr	0.002	0.003	0.002	nd	0.007	0.07	0.03
	2	76.0	3.4	0.37	0.001	0.033	0.004	tr	0.002	0.004	0.002	nd	0.008	0.10	0.02
	3	74.5	3.2	0.21	tr	0.015	0.003	tr	0.002	0.003	0.002	nd	0.007	0.08	0.02
	4	75.6	3.1	0.23	0.001	0.016	0.003	tr	0.002	0.003	0.002	nd	0.007	0.09	0.02
	5	75.4	2.5	0.24	tr	0.005	0.001	tr	tr	tr	tr	nd	tr	0.07	tr
	最高	76.0	3.4	0.37	0.001	0.033	0.004	tr	0.002	0.004	0.002	nd	0.008	0.10	0.03
	最低	74.5	2.5	0.21	tr	0.005	0.001	tr	tr	tr	tr	nd	tr	0.07	tr
	平均	75.5	3.0	0.26	-	0.018	0.003	-	-	0.003	-	-	-	0.08	-
	中央値	75.6	3.1	0.24	0.001	0.016	0.003	tr	0.002	0.001	0.002	nd	0.007	0.08	0.02
	検出限界 (μg/g-wet)				0.01	0.001	0.001	0.001	0.001	0.001	0.001	0.001	0.001	0.001	0.05
検出頻度				5/5	3/5	5/5	5/5	0/5	4/5	4/5	4/5	0/5	4/5	5/5	4/5

(注) ndは不検出, trは検出限界未満で検出。

表3 平成9年度生物モニタリング結果

生物種	検体番号	水分 (%)	脂肪 (%)	調査物質 (μg/g-wet)											
				PCB	p,p'-DDT	p,p'-DDE	p,p'-DDD	t-クロルデン	c-クロルデン	t-ノナクロル	c-ノナクロル	オキシクロルデン	クロルデン類	TBT	TPT
スズキ (大阪湾)	1	79.0	2.5	0.28	0.002	0.009	0.006	0.001	0.004	0.007	0.003	nd	0.015	0.11	0.08
	2	78.6	3.5	0.19	0.001	0.005	0.004	0.001	0.003	0.003	0.002	nd	0.009	0.08	0.03
	3	76.4	5.6	0.24	0.002	0.008	0.006	0.001	0.004	0.005	0.003	nd	0.013	0.11	0.06
	4	75.8	3.5	0.27	0.002	0.009	0.006	0.001	0.004	0.006	0.003	nd	0.014	0.12	0.07
	5	76.2	3.6	0.18	0.001	0.005	0.004	0.001	0.002	0.003	0.002	nd	0.008	0.11	0.04
	最高	79.0	5.6	0.28	0.002	0.009	0.006	0.001	0.004	0.007	0.003	nd	0.015	0.12	0.08
	最低	75.8	2.5	0.18	0.001	0.005	0.004	0.001	0.002	0.003	0.002	nd	0.008	0.08	0.03
	平均	77.2	3.7	0.23	0.002	0.007	0.005	0.001	0.003	0.005	0.003	-	0.012	0.11	0.06
	中央値	76.4	3.5	0.24	0.002	0.008	0.006	0.001	0.004	0.005	0.003	nd	0.013	0.11	0.06
	検出限界 (μg/g-wet)				0.01	0.001	0.001	0.001	0.001	0.001	0.001	0.001	0.001	0.001	0.05
検出頻度				5/5	5/5	5/5	5/5	5/5	5/5	5/5	5/5	0/5	5/5	5/5	5/5
スズキ (瀬戸内海)	1	76.8	1.4	0.08	0.001	0.017	0.003	0.002	0.006	0.011	0.004	0.002	0.025	0.14	0.03
	2	76.1	1.0	0.04	nd	0.003	nd	nd	0.001	0.002	nd	nd	0.003	tr	0.03
	3	73.5	4.2	0.10	0.005	0.014	0.009	0.001	0.002	0.003	0.002	nd	0.008	0.11	0.10
	4	74.0	0.8	0.07	nd	0.003	0.001	nd	nd	0.001	nd	nd	0.001	tr	0.12
	5	73.1	2.1	0.05	nd	0.005	0.002	nd	0.001	0.002	0.001	nd	0.004	tr	0.05
	最高	76.8	4.2	0.10	0.005	0.017	0.009	0.002	0.006	0.011	0.004	0.002	0.025	0.14	0.12
	最低	73.1	0.8	0.04	nd	0.003	nd	nd	nd	0.001	nd	nd	0.001	tr	0.03
	平均	74.7	1.9	0.07	-	0.008	-	-	0.001	0.004	-	-	0.008	-	0.07
	中央値	74.0	1.4	0.07	nd	0.005	0.002	nd	0.001	0.002	0.001	nd	0.004	tr	0.05
	検出限界 (μg/g-wet)				0.01	0.001	0.001	0.001	0.001	0.001	0.001	0.001	0.001	0.001	0.05
検出頻度				5/5	2/5	5/5	4/5	2/5	4/5	5/5	3/5	1/5	5/5	2/5	5/5
スズキ (山陰沖)	1	76.1	3.2	0.05	nd	0.006	0.002	tr	nd	0.003	tr	tr	0.003	tr	nd
	2	75.6	4.1	0.04	nd	0.006	0.002	tr	nd	0.004	tr	tr	0.004	tr	nd
	3	75.8	3.0	0.04	nd	0.007	0.002	tr	nd	0.004	tr	tr	0.004	tr	nd
	4	74.7	3.4	0.03	nd	0.005	0.003	tr	nd	0.002	tr	tr	0.002	tr	nd
	5	75.8	2.7	0.03	nd	0.005	0.002	tr	nd	0.002	nd	tr	0.002	tr	nd
	最高	76.1	4.1	0.05	nd	0.007	0.003	tr	nd	0.004	tr	tr	0.004	tr	nd
	最低	74.1	2.7	0.03	nd	0.005	0.002	tr	nd	0.002	nd	tr	0.002	tr	nd
	平均	75.6	3.3	0.04	-	0.006	0.002	-	-	0.003	-	-	0.003	-	-
	中央値	75.8	3.2	0.04	nd	0.006	0.002	tr	nd	0.003	tr	tr	0.003	tr	nd
	検出限界 (μg/g-wet)				0.01	0.001	0.001	0.001	0.001	0.001	0.001	0.001	0.001	0.001	0.05
検出頻度				5/5	0/5	5/5	5/5	0/5	0/5	5/5	0/5	0/5	5/5	0/5	0/5

(注) ndは不検出, trは検出限界未満で検出。

表3 平成9年度生物モニタリング結果

生物種	検体番号	水分 (%)	脂肪 (%)	調 査 物 質 (μg/g-wet)													
				PCB	p,p'-DDT	p,p'-DDE	p,p'-DDD	t-クロルデン	c-クロルデン	t-ノナクロル	c-ノナクロル	オキシクロルデン	クロルデン類	TBT	TPT		
スズキ (四万十川河口)	1	69.5	1.0	tr	nd	tr	nd	nd	tr	tr	tr	tr	tr	tr	tr	nd	
	2	74.3	1.2	0.03	tr	0.001	tr	nd	tr	0.001	tr	nd	0.001	tr	tr	nd	
	3	74.8	1.3	tr	nd	tr	tr	nd	nd	tr	nd	nd	tr	tr	tr	nd	
	4	73.4	0.8	tr	nd	tr	tr	nd	tr	tr	tr	tr	tr	tr	tr	tr	nd
	5	74.0	1.1	tr	nd	tr	tr	tr	nd	tr	tr	tr	nd	tr	tr	tr	nd
	最高	74.8	1.3	0.03	tr	0.001	tr	nd	tr	0.001	tr	tr	tr	0.001	tr	tr	nd
	最低	69.5	0.8	tr	nd	tr	nd	nd	nd	tr	nd	nd	nd	tr	tr	tr	nd
	平均	73.2	1.1	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	中央値	74.0	1.1	tr	nd	tr	tr	tr	nd	tr	tr	tr	nd	tr	tr	tr	nd
	検出限界 (μg/g-wet)				0.01	0.001	0.001	0.001	0.001	0.001	0.001	0.001	0.001	0.001	0.05	0.02	
検出頻度				1/5	0/5	1/5	0/5	0/5	0/5	1/5	0/5	0/5	1/5	0/5	0/5		
スズキ (祝言島地先)	1	70.4	2.0	0.05	tr	0.004	0.001	nd	tr	0.001	tr	nd	0.001	tr	tr	nd	
	2	68.0	3.3	0.05	0.001	0.002	0.001	nd	tr	0.002	0.001	nd	0.003	tr	tr	0.03	
	3	71.3	1.6	0.07	0.001	0.003	0.001	nd	nd	tr	nd	nd	tr	tr	tr	nd	
	4	72.7	2.9	0.04	0.001	0.003	0.001	nd	nd	0.001	tr	nd	0.001	tr	tr	nd	
	5	72.3	2.3	0.06	0.002	0.005	0.002	nd	tr	0.001	tr	nd	0.001	tr	tr	nd	
	最高	72.7	3.3	0.07	0.002	0.005	0.002	nd	tr	0.002	0.001	nd	0.003	tr	tr	0.03	
	最低	68.0	1.6	0.04	tr	0.002	0.001	nd	nd	tr	nd	nd	tr	tr	tr	nd	
	平均	70.9	2.4	0.05	-	0.003	0.001	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	中央値	71.3	2.3	0.05	0.001	0.003	0.001	nd	tr	0.001	tr	nd	0.001	tr	tr	nd	
	検出限界 (μg/g-wet)				0.01	0.001	0.001	0.001	0.001	0.001	0.001	0.001	0.001	0.001	0.05	0.02	
検出頻度				5/5	4/5	5/5	5/5	0/5	0/5	4/5	1/5	0/5	4/5	0/5	1/5		
スズキ (薩摩半島西岸)	1	76.5	2.3	0.01	nd	0.001	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	tr	tr	nd	
	2	75.8	2.3	0.01	nd	tr	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	tr	tr	nd	
	3	76.6	2.0	0.01	nd	tr	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	tr	tr	nd	
	4	75.9	2.1	tr	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	tr	tr	nd	
	5	75.5	2.2	0.02	nd	0.001	nd	nd	nd	tr	nd	nd	tr	tr	tr	nd	
	最高	76.6	2.3	0.02	nd	0.001	nd	nd	nd	tr	nd	nd	tr	tr	tr	nd	
	最低	75.5	2.0	tr	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	tr	tr	nd	
	平均	76.1	2.2	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	中央値	75.9	2.2	0.01	nd	tr	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	tr	tr	nd	
	検出限界 (μg/g-wet)				0.01	0.001	0.001	0.001	0.001	0.001	0.001	0.001	0.001	0.001	0.05	0.02	
検出頻度				4/5	0/5	2/5	0/5	0/5	0/5	0/5	0/5	0/5	0/5	0/5	0/5		

(注) ndは不検出, trは検出限界未満で検出。

表3 平成9年度生物モニタリング結果

生物種	検体番号	水分 (%)	脂肪 (%)	調査物質 (μg/g-wet)												
				PCB	p,p'-DDT	p,p'-DDE	p,p'-DDD	t-クロルデン	c-クロルデン	t-ノナクロル	c-ノナクロル	オキシクロルデン	クロルデン類	TBT	TPT	
ミナミクロダイ (沖縄県中城湾)	1	76.2	0.6	nd	tr	tr	tr	nd	tr	tr	tr	tr	tr	tr	nd	nd
	2	76.5	0.8	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	tr	tr	tr	tr	nd	nd
	3	75.7	0.6	nd	nd	tr	tr	nd	nd	nd	tr	tr	tr	tr	nd	nd
	4	76.6	0.7	nd	nd	tr	tr	nd	tr	tr	nd	0.001	tr	0.001	nd	nd
	5	76.0	0.6	nd	tr	tr	tr	nd	tr	tr	tr	tr	tr	tr	nd	nd
	最高	76.6	0.8	nd	tr	tr	tr	nd	tr	tr	tr	0.001	tr	0.001	nd	nd
	最低	75.7	0.6	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	tr	tr	tr	nd	nd
	平均	76.2	0.7	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	中央値	76.2	0.6	nd	nd	tr	tr	nd	tr	tr	nd	tr	tr	tr	nd	nd
	検出限界 (μg/g-wet)				0.01	0.001	0.001	0.001	0.001	0.001	0.001	0.001	0.001	0.001	0.05	0.02
検出頻度				0/5	0/5	0/5	0/5	0/5	0/5	0/5	1/5	0/5	1/5	0/5	0/5	
ウグイ (琵琶湖)	1	74.0	4.1	0.05	0.002	0.010	0.003	0.001	0.004	0.006	0.004	nd	0.015	nd	nd	
	2	75.9	4.4	0.04	0.003	0.011	0.003	0.001	0.009	0.008	0.005	nd	0.023	nd	nd	
	3	75.5	3.5	0.03	0.002	0.008	0.003	nd	0.004	0.005	0.003	nd	0.012	nd	nd	
	4	75.0	4.5	0.05	0.003	0.012	0.003	0.001	0.006	0.007	0.004	nd	0.018	nd	nd	
	5	74.9	4.4	0.04	0.002	0.010	0.003	0.001	0.006	0.006	0.004	nd	0.017	nd	nd	
	最高	75.9	4.5	0.05	0.003	0.012	0.003	0.001	0.009	0.008	0.005	nd	0.023	nd	nd	
	最低	74.0	3.5	0.03	0.002	0.008	0.003	nd	0.004	0.005	0.003	nd	0.012	nd	nd	
	平均	75.1	4.2	0.04	0.002	0.010	0.003	-	0.006	0.006	0.004	-	0.017	-	-	
	中央値	75.0	4.4	0.04	0.002	0.010	0.003	0.001	0.006	0.006	0.004	nd	0.017	nd	nd	
	検出限界 (μg/g-wet)				0.01	0.001	0.001	0.001	0.001	0.001	0.001	0.001	0.001	0.001	0.05	0.02
検出頻度				5/5	5/5	5/5	5/5	4/5	5/5	5/5	5/5	0/5	5/5	0/5	0/5	
ムラサキイガイ (山田湾)	1	79.0	2.1	tr	nd	tr	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	0.05	nd	
	2	79.2	2.2	tr	nd	tr	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	0.06	nd	
	3	79.6	2.2	tr	nd	tr	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	0.05	nd	
	4	79.2	2.1	tr	nd	tr	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	0.06	nd	
	5	80.1	1.9	tr	nd	tr	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	tr	nd	
	最高	80.1	2.2	tr	nd	tr	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	0.06	nd	
	最低	79.0	1.9	tr	nd	tr	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	tr	nd	
	平均	79.4	2.1	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	中央値	79.2	2.1	tr	nd	tr	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	0.05	nd	
	検出限界 (μg/g-wet)				0.01	0.001	0.001	0.001	0.001	0.001	0.001	0.001	0.001	0.001	0.05	0.02
検出頻度				0/5	0/5	0/5	0/5	0/5	0/5	0/5	0/5	0/5	0/5	4/5	0/5	

(注) ndは不検出, trは検出限界未満で検出。

表3 平成9年度生物モニタリング結果

生物種	検体番号	水分 (%)	脂肪 (%)	調査物質 (μg/g-wet)												
				PCB	p,p'-DDT	p,p'-DDE	p,p'-DDD	t-クロルデン	c-クロルデン	t-ノナクロル	c-ノナクロル	オキシクロルデン	クロルデン類	TBT	TPT	
ムラサキイガイ (三浦半島)	1	73.6	3.1	0.02	nd	0.003	0.002	0.002	0.002	0.003	0.003	0.001	nd	0.009	tr	nd
	2	73.5	3.1	0.02	nd	0.003	0.002	0.002	0.002	0.004	0.004	0.001	nd	0.011	0.05	nd
	3	74.0	3.2	0.02	nd	0.003	0.002	0.002	0.002	0.003	0.004	0.001	nd	0.010	0.05	nd
	4	74.2	3.2	0.01	nd	0.003	0.001	0.001	0.002	0.003	0.003	0.001	nd	0.009	0.05	nd
	5	74.9	2.7	0.02	nd	0.003	0.002	0.002	0.002	0.003	0.003	0.001	nd	0.009	0.05	nd
	最高	74.9	3.2	0.02	nd	0.003	0.002	0.002	0.002	0.004	0.004	0.001	nd	0.011	0.05	nd
	最低	73.5	2.7	0.01	nd	0.003	0.001	0.001	0.002	0.003	0.003	0.001	nd	0.009	tr	nd
	平均	74.0	3.1	0.02	-	0.003	0.002	0.002	0.002	0.003	0.003	0.001	-	0.010	-	-
	中央値	74.0	3.1	0.02	nd	0.003	0.002	0.002	0.002	0.003	0.003	0.001	nd	0.009	0.05	nd
	検出限界 (μg/g-wet)				0.01	0.001	0.001	0.001	0.001	0.001	0.001	0.001	0.001	0.001	0.001	0.05
検出頻度				5/5	0/5	5/5	5/5	5/5	5/5	5/5	5/5	5/5	0/5	5/5	4/5	0/5
ムラサキイガイ (能登半島)	1	68.8	2.2	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd
	2	67.7	2.2	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd
	3	66.7	2.4	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd
	4	67.7	2.2	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd
	5	70.5	2.4	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd
	最高	70.5	2.4	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd
	最低	66.7	2.2	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd
	平均	68.3	2.3	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	中央値	67.7	2.2	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd
	検出限界 (μg/g-wet)				0.01	0.001	0.001	0.001	0.001	0.001	0.001	0.001	0.001	0.001	0.001	0.05
検出頻度				0/5	0/5	0/5	0/5	0/5	0/5	0/5	0/5	0/5	0/5	0/5	0/5	0/5
ムラサキイガイ (伊勢湾)	1	81.2	1.5	0.02	nd	0.001	nd	0.001	0.001	0.002	0.002	0.001	nd	0.006	tr	nd
	2	80.3	1.3	0.02	nd	0.001	nd	0.002	0.002	0.002	0.002	0.001	nd	0.007	tr	nd
	3	79.4	1.5	0.02	nd	0.001	nd	0.001	0.001	0.002	0.002	0.001	nd	0.006	tr	nd
	4	80.0	1.8	0.02	nd	0.001	nd	0.001	0.001	0.002	0.002	0.001	nd	0.006	tr	nd
	5	79.8	1.5	0.02	nd	0.001	nd	0.001	0.001	0.002	0.002	0.001	nd	0.006	tr	nd
	最高	81.2	1.8	0.02	nd	0.001	nd	0.002	0.002	0.002	0.002	0.001	nd	0.007	tr	nd
	最低	79.4	1.3	0.02	nd	0.001	nd	0.001	0.001	0.002	0.002	0.001	nd	0.006	tr	nd
	平均	90.1	1.5	0.02	-	0.001	-	0.001	0.001	0.002	0.002	0.001	-	0.006	-	-
	中央値	80.0	1.5	0.02	nd	0.001	nd	0.001	0.001	0.002	0.002	0.001	nd	0.006	tr	nd
	検出限界 (μg/g-wet)				0.01	0.001	0.001	0.001	0.001	0.001	0.001	0.001	0.001	0.001	0.001	0.05
検出頻度				5/5	0/5	5/5	0/5	5/5	5/5	5/5	5/5	0/5	5/5	0/5	0/5	

(注) ndは不検出, trは検出限界未満で検出。

表3 平成9年度生物モニタリング結果

生物種	検体番号	水分 (%)	脂肪 (%)	調査物質 (μg/g-wet)											
				PCB	p,p'-DDT	p,p'-DDE	p,p'-DDD	t-クロルデン	c-クロルデン	t-ノナクロル	c-ノナクロル	オキシクロルデン	クロルデン類	TBT	TPT
ムラサキイガイ (島根半島)	1	74.7	2.2	0.02	nd	0.004	0.003	0.001	0.001	nd	nd	nd	0.002	0.16	0.06
	2	74.7	2.3	0.02	nd	0.004	0.005	0.001	0.001	nd	nd	nd	0.002	0.18	0.06
	3	74.7	2.2	0.03	nd	0.003	0.005	0.001	0.001	nd	nd	nd	0.002	0.20	0.06
	4	75.6	2.0	0.02	nd	0.004	0.003	0.001	0.001	nd	nd	nd	0.002	0.15	0.05
	5	75.5	2.0	0.03	nd	0.003	0.005	0.001	0.001	nd	nd	nd	0.002	0.24	0.07
	最高	75.6	2.3	0.03	nd	0.004	0.005	0.001	0.001	nd	nd	nd	0.002	0.24	0.07
	最低	74.7	2.0	0.02	nd	0.003	0.003	0.001	0.001	nd	nd	nd	0.002	0.15	0.05
	平均	75.0	2.1	0.02	-	0.004	0.004	0.001	0.001	-	-	-	0.002	0.19	0.06
	中央値	74.7	2.2	0.02	nd	0.004	0.005	0.001	0.001	nd	nd	nd	0.002	0.18	0.06
	検出限界 (μg/g-wet)				0.01	0.001	0.001	0.001	0.001	0.001	0.001	0.001	0.001	0.001	0.05
検出頻度				5/5	0/5	5/5	5/5	5/5	5/5	0/5	0/5	0/5	5/5	5/5	5/5
イガイ (鳴門)	1	84.9	0.8	nd	nd	nd	nd	0.004	0.023	0.002	nd	0.004	0.033	0.08	nd
	2	87.1	0.6	nd	nd	nd	nd	0.003	0.017	0.002	nd	0.003	0.025	0.09	nd
	3	85.8	1.0	nd	nd	nd	nd	0.004	0.017	0.003	nd	0.003	0.027	0.08	nd
	4	85.3	0.9	nd	nd	nd	nd	0.004	0.019	0.002	nd	0.003	0.029	0.08	nd
	5	86.0	0.8	nd	nd	nd	nd	0.003	0.016	0.002	nd	0.003	0.024	0.08	nd
	最高	87.1	1.0	nd	nd	nd	nd	0.004	0.023	0.003	nd	0.004	0.033	0.09	nd
	最低	84.9	0.6	nd	nd	nd	nd	0.003	0.016	0.002	nd	0.003	0.024	0.08	nd
	平均	85.8	0.8	-	-	-	-	0.004	0.018	0.002	-	0.003	0.028	0.08	-
	中央値	85.8	0.8	nd	nd	nd	nd	0.004	0.017	0.002	nd	0.003	0.027	0.08	nd
	検出限界 (μg/g-wet)				0.01	0.001	0.001	0.001	0.001	0.001	0.001	0.001	0.001	0.001	0.05
検出頻度				0/5	0/5	0/5	0/5	5/5	5/5	5/5	0/5	5/5	5/5	5/5	0/5
ムクドリ (盛岡市郊外)	1	72.4	3.5	tr	tr	0.128	tr	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd
	2	72.1	3.2	tr	nd	0.149	tr	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd
	3	72.2	3.1	nd	tr	0.113	tr	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd
	4	70.7	3.0	tr	tr	0.083	0.001	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd
	5	72.3	3.0	tr	tr	0.116	tr	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd
	最高	72.4	3.5	tr	tr	0.149	0.001	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd
	最低	70.7	3.0	nd	nd	0.083	tr	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd
	平均	71.9	3.2	-	-	0.118	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	中央値	72.2	3.1	tr	tr	0.116	tr	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd	nd
	検出限界 (μg/g-wet)				0.01	0.001	0.001	0.001	0.001	0.001	0.001	0.001	0.001	0.001	0.05
検出頻度				0/5	0/5	5/5	1/5	0/5	0/5	0/5	0/5	0/5	0/5	0/5	0/5

(注) ndは不検出, trは検出限界未満で検出。

表3 平成9年度生物モニタリング結果

生物種	検体番号	水分 (%)	脂肪 (%)	調査物質 (μg/g-wet)												
				PCB	p,p'-DDT	p,p'-DDE	p,p'-DDD	t-クロルデン	c-クロルデン	t-ノナクロル	c-ノナクロル	オキシクロルデン	クロルデン類	TBT	TPT	
ウミネコ (蕪島)	1	72.1	4.7	0.02	nd	0.009	nd	nd	nd	nd	0.001	nd	nd	0.001	nd	nd
	2	70.6	4.9	0.02	nd	0.010	nd	nd	nd	nd	0.002	nd	nd	0.002	nd	nd
	3	70.5	5.2	0.02	nd	0.020	nd	nd	nd	nd	0.002	nd	nd	0.002	nd	nd
	4	71.1	4.3	0.02	nd	0.009	nd	nd	nd	nd	0.001	nd	nd	0.001	nd	nd
	5	70.7	4.8	0.02	nd	0.010	nd	nd	nd	nd	0.002	nd	nd	0.002	nd	nd
	最高	72.1	5.2	0.02	nd	0.020	nd	nd	nd	nd	0.002	nd	nd	0.002	nd	nd
	最低	70.5	4.3	0.02	nd	0.009	nd	nd	nd	nd	0.001	nd	nd	0.001	nd	nd
	平均	71.0	4.8	0.02	-	0.012	-	-	-	-	0.002	-	-	0.002	-	-
	中央値	70.7	4.8	0.02	nd	0.010	nd	nd	nd	nd	0.002	nd	nd	0.002	nd	nd
	検出限界 (μg/g-wet)				0.01	0.001	0.001	0.001	0.001	0.001	0.001	0.001	0.001	0.001	0.001	0.05
検出頻度				5/5	0/5	5/5	0/5	0/5	0/5	5/5	0/5	0/5	5/5	0/5	0/5	

(注) ndは不検出, trは検出限界未満で検出。